



pàn duàn lì

判断力

noun · judgment, discernment

Example Sentences

Tā de pàn duàn lì hěn qiáng hěn shǎo chū cuò.
他的判断力很强，很少出错。

His judgment is very strong; he rarely makes mistakes.

zuò jué dìng xū yào hǎo de pàn duàn lì
做决定需要好的判断力。

Making decisions requires good judgment.

Trace each character, then write the word on your own.

判	判	判	判	判	判	判	判	判	判	
断	断	断	断	断	断	断	断	断	断	断
力	力	力	力	力						